TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2026.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyến
2. Ông Trần Huy Chép

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Như Ý. Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 496/2025/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2026/QĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn L; sinh năm: 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/11/2025 và quá trình tố tụng ông Hồ Văn L trình bày:

Ông Hồ Văn L và bà Trần Thị N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là xã T, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau thời gian đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Hồ Văn L yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị N.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hồ T1 T2; giới tính: Nữ; sinh ngày: 06/4/2011 và cháu Hồ Trí T1; giới tính: Nam; sinh ngày: 31/01/2015, nguyên đơn yêu cầu giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bà Trần Thị N đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến hay phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Toà án không ghi nhận được ý kiến của bà Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Trần Thị N có nơi trú tại Ấp Thạnh Mỹ A, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn ông L có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn bà N được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn L và bà Trần Thị N tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là xã T, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, do bất đồng ý kiến với nhau, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải động viên để các đương sự xóa bỏ những mâu thuẫn trước đây để đoàn tụ vợ chồng. Ông L thừa nhận không còn tình cảm với và Nhung, ông cương quyết xin ly hôn. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc ông Hồ Văn L xin ly hôn với bà Trần Thị N là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của ông, bà. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Văn L đối với bà Trần Thị N phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Ông Hồ Văn L và bà Trần Thị N có 02 con chung là cháu Hồ T1 T2; giới tính: Nữ; sinh ngày: 06/4/2011 và cháu Hồ Trí T1; giới

tính: Nam; sinh ngày: 31/01/2015. Ông L yêu cầu giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi con, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vừa là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ. Khi cha, mẹ ly hôn các con đã mất điểm tựa quan trọng là mái ấm gia đình có cha lẫn mẹ nên việc giao con cho cha mẹ ly hôn phải cân nhắc đến quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện tại cháu T2 và cháu T1 đang sinh sống với bà Trần Thị N đồng thời cháu T2 và cháu T1 cũng có bản tự khai yêu cầu được sống cùng mẹ là bà N. Nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu cháu Hồ T1 T2; giới tính: Nữ; sinh ngày: 06/4/2011 và cháu Hồ Trí T1; giới tính: Nam; sinh ngày: 31/01/2015 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 và cháu T1 đủ 18 (mười tám) tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông L không ai được quyền ngăn cản.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7]. Về án phí: Ông Hồ Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9; Điều 51, Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Văn L. Ông Hồ Văn L được ly hôn với bà Trần Thị N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hồ T1 T2; giới tính: Nữ; sinh ngày: 06/4/2011 và cháu Hồ Trí T1; giới tính: Nam; sinh ngày: 31/01/2015 cho bà Trần Thị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 và cháu T1 đủ 18 (mười tám) tuổi, ông L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông L không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Ông Hồ Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010673 ngày 25/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 13 – Cần Thơ thành án phí. Ông L không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Viện KSND Khu vực 13 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 13 – Cần Thơ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung